

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư
IPA PARTNER**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026



**Shape the future
with confidence**

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư
IPA PARTNER**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 35

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 03 năm 2008; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 27/GPĐC-UBCK ngày 09 tháng 02 năm 2026.

Theo quy định của pháp luật doanh nghiệp Việt Nam, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 ngày 02 tháng 07 năm 2021. Ngày 27 tháng 02 năm 2026, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 6, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 100 tỷ đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 100 tỷ đồng Việt Nam).

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty đang quản lý năm (05) quỹ, bao gồm Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (VNDBF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu linh hoạt VND (VNDCF), Quỹ ETF IPA PARTNER VN100 (IPA PARTNER VN100) và Quỹ đầu tư Thành viên IPA (IPAMF). Bên cạnh đó, trong kỳ, Công ty cũng cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho một số tổ chức và cá nhân trong nước.

Công ty có Trụ sở chính đặt tại số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Bà Phạm Minh Hương được bổ nhiệm giữ chức Chủ tịch Công ty theo Nghị quyết số 20/2024/ND-HĐQT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Phạm Minh Hương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 07 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thúy Lan	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là Bà Phạm Minh Hương - Chức danh: Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch
kiêm Tổng Giám Đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2026

Số tham chiếu: 12857310/E-70072949/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Chủ sở hữu
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER (“Công ty”) được lập ngày 13 tháng 08 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trong yếu tố gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2400-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
	TÀI SẢN			
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		152.851.968.050	182.886.097.695
110	I. Tiền và tương đương tiền	5	2.744.596.735	9.798.658.046
111	1. Tiền		2.744.596.735	2.270.772.124
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	7.527.885.922
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	144.935.701.294	147.090.079.260
121	1. Đầu tư ngắn hạn		146.517.271.544	147.939.309.260
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.581.570.250)	(849.230.000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.132.620.131	25.960.524.841
134	1. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	7	1.625.026.796	22.823.611.244
135	2. Các khoản phải thu khác	8	3.527.593.335	3.156.913.597
139	3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(20.000.000)	(20.000.000)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		39.049.890	36.835.548
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	39.049.890	36.835.548
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.520.729.237	1.516.800.000
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		10.000.000	-
218	1. Phải thu dài hạn khác		10.000.000	-
250	I. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	1.506.800.000	1.506.800.000
258	1. Đầu tư dài hạn khác		1.506.800.000	1.506.800.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
260	II. Tài sản dài hạn khác		3.929.237	10.000.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		3.929.237	-
268	2. Tài sản dài hạn khác	11	-	10.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		154.372.697.287	184.402.897.695
	NGUỒN VỐN			
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		2.327.719.025	36.326.950.132
310	I. Nợ ngắn hạn		2.327.719.025	36.326.950.132
312	1. Phải trả người bán	12	490.616.968	530.499.265
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.509.455.853	10.453.167.554
316	3. Chi phí phải trả	14	94.053.617	113.400.000
319	4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	233.592.587	25.229.883.313
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	16	152.044.978.262	148.075.947.563
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
419	2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.916.896.584	1.916.896.584
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		50.128.081.678	46.159.050.979
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		154.372.697.287	184.402.897.695

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
6	1. Chứng khoán lưu ký của Công ty Quản lý Quỹ	17	128.159.144.400	128.436.994.400
	Trong đó:			
7	1.1. Chứng khoán giao dịch		128.159.144.400	128.436.994.400
11	1.2. Chứng khoán chờ thanh toán		-	-
20	2. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty Quản lý quỹ		1.504.800.000	1.504.800.000
30	3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	18	343.876.322	12.105.664.612
31	3.1. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		343.876.322	12.105.664.612
40	4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	19	5.610.788.615.873	5.017.517.192.097
41	4.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước		5.610.788.615.873	5.017.517.192.097
50	5. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	20	194.671.410.712	2.297.300.000
51	6. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	21	634.637.347	21.926.009.447

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch
kiểm Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025
1	1. Doanh thu		9.342.008.380	13.015.967.446
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	22	9.342.008.380	13.015.967.446
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	23	6.419.073.875	3.390.686.590
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		2.922.934.505	9.625.280.856
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	4.680.446.520	6.616.414.016
22	7. Chi phí hoạt động tài chính	25	733.846.653	(1.875.914.669)
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	1.954.396.229	1.173.930.834
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.915.138.143	16.943.678.707
31	10. Thu nhập khác		-	-
32	11. Chi phí khác		-	260.000.000
40	12. Lỗ khác		-	(260.000.000)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.915.138.143	16.683.678.707
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.2	946.107.444	3.032.729.465
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	339.006.276
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.969.030.699	13.311.942.966

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch
kiêm Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	1. Lợi nhuận trước thuế		4.915.138.143	16.683.678.707
3	2. Điều chỉnh cho các khoản		(3.928.134.070)	(4.257.569.523)
5	- Các khoản chi phí/(hoàn nhập) dự phòng		732.340.250	(1.928.712.141)
8	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.660.474.320)	(2.328.857.382)
9	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		987.004.073	12.426.109.184
10	- Giảm các khoản phải thu		21.144.615.635	26.968.184.020
11	- Giảm/(Tăng) hàng tồn kho (chứng khoán kinh doanh)		1.422.037.716	(5.869.080.752)
12	- Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(24.727.066.739)	(4.044.695.388)
14	- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước		(6.143.579)	12.097.608
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10.218.271.812)	(8.859.547.025)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động kinh doanh		(11.397.824.706)	20.633.067.647
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	3. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		-	(102.000.000)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.343.763.395	2.902.978.970
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4.343.763.395	2.800.978.970
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(7.054.061.311)	23.434.046.617
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	5	9.798.658.046	15.492.441.235
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	2.744.596.735	38.926.487.852

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt

Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch
kiêm Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER

B05a-CTQ

BÁO CÁO TÍNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2025	Ngày 1 tháng 1 năm 2026	Kỳ trước		Kỳ này		Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 30 tháng 6 năm 2026
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	16	1.916.896.584	1.916.896.584	-	-	-	-	1.916.896.584	1.916.896.584
3. Lợi nhuận chưa phân phối	16	30.292.637.258	46.159.050.979	13.311.942.966	-	3.969.030.699	-	43.604.580.224	50.128.081.678
Tổng cộng		132.209.533.842	148.075.947.563	13.311.942.966	-	3.969.030.699	-	145.521.476.808	152.044.978.262

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng




Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch
Kiểm Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. CÔNG TY

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 03 năm 2008; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 27/GPĐC-UBCK ngày 09 tháng 02 năm 2026.

Theo quy định của pháp luật doanh nghiệp Việt Nam, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 ngày 02 tháng 07 năm 2021. Ngày 27 tháng 02 năm 2026, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 6, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 100 tỷ đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 100 tỷ đồng Việt Nam).

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty đang quản lý năm (05) quỹ, bao gồm Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (VNDBF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu linh hoạt VND (VNDCF), Quỹ ETF IPA PARTNER VN100 (IPA PARTNER VN100) và Quỹ đầu tư Thành viên IPA (IPAMF). Bên cạnh đó, trong kỳ, Công ty cũng cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho một số tổ chức, cá nhân trong nước.

Công ty có Trụ sở chính đặt tại số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 16 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 15 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Công ty cũng lập các báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 hàng năm.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Các báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, ngoại trừ thay đổi sau:

Thông tư 99/2025/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan. Trong kỳ, Công ty đã áp dụng các quy định có liên quan của Thông tư 99/2025/TT-BTC trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc đánh giá việc áp dụng Thông tư này không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày gửi, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư chứng khoán bao gồm các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân loại thành đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn. Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại bằng hoặc dưới mười hai (12) tháng, ngoại trừ phần tiền gửi có kỳ hạn bằng hoặc dưới ba (03) tháng đã bao gồm trong Tiền và các khoản tương đương tiền, và các khoản đầu tư vào trái phiếu chính phủ được nắm giữ với mục đích để bán trong vòng trên ba (03) tháng đến mười hai (12) tháng. Đầu tư dài hạn bao gồm trái phiếu chính phủ, các khoản cho vay, tiền gửi và các khoản đầu tư dài hạn khác có kỳ hạn còn lại trên mười hai (12) tháng.

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được tiếp tục phản ánh theo giá gốc trong các kỳ kế toán tiếp theo và được lập dự phòng giảm giá nếu giá gốc cao hơn giá thị trường có thể xác định được. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "*Chi phí quản lý doanh nghiệp*" trong kỳ.

4.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.6 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác

Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

4.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác và phí thường hoạt động được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng quản lý quỹ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu nắm giữ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Lợi ích nhân viên

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Điều 33 Luật Việc làm số 74/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và Nghị định số 374/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức tối đa bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích tối đa 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (từ ngày 01 tháng 03 năm 2025 là Bộ Nội vụ). Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không có một nghĩa vụ nào khác.

4.10 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.11 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 là các khoản mục không có số dư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Tiền gửi Ngân hàng	2.499.434.501	9.770.772.124
Tiền gửi không kỳ hạn	2.499.434.501	9.770.772.124
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	42.898.782	22.419.822
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Hội sở	107.470	94.621
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	2.456.428.249	2.248.257.681
Tiền gửi có kỳ hạn	-	7.500.000.000
Tiền gửi giao dịch chứng khoán	245.162.234	27.885.922
- Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	245.162.234	27.885.922
Tổng cộng	2.744.596.735	9.798.658.046

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Đầu tư ngắn hạn (i)	146.517.271.544	147.939.309.260
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (ii)	(1.581.570.250)	(849.230.000)
Tổng cộng	144.935.701.294	147.090.079.260

(i) Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm:

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026		Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư ngắn hạn				
Cổ phiếu niêm yết	296.315	19.878.310.000	274.100	19.878.310.000
Trong đó các cổ phiếu giảm giá bao gồm:				
- Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (Mã cổ phiếu: REE)	170.315	9.883.330.000	148.100	9.883.330.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới di động (Mã cổ phiếu: MWG)	126.000	9.994.980.000	-	-
Trái phiếu niêm yết	865.852	86.638.961.756	870.852	88.060.999.472
Chứng chỉ quỹ	3.861.079	39.999.999.788	3.861.079	39.999.999.788
	5.023.246	146.517.271.544	5.006.031	147.939.309.260
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(1.581.570.250)	-	(849.230.000)
Tổng cộng	5.023.246	144.935.701.294	5.006.031	147.090.079.260

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

(ii) Biến động dự phòng trong kỳ như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Số đầu kỳ	849.230.000	2.200.394.172
Trích lập/(Hoàn nhập) trong kỳ	732.340.250	(1.351.164.172)
Số cuối kỳ	1.581.570.250	849.230.000

7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (i)	1.025.784.199	925.941.786
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư (ii)	599.242.597	20.435.622.849
Phải thu phí thưởng hoạt động (ii)	-	1.462.046.609
Tổng cộng	1.625.026.796	22.823.611.244

(i) Theo quy định tại Điều lệ Quỹ của các quỹ đầu tư được quản lý bởi Công ty, Công ty được hưởng phí quản lý như sau:

Quỹ được quản lý	Tỷ lệ phí quản lý quỹ/năm
Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF)	1,50%
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (VNDBF)	1,10%
Quỹ Đầu tư Trái phiếu linh hoạt VND (VNDCF)	0,90%
Quỹ ETF IPA PARTNER VN100 (IPA PARTNER VN100)	0,60%
Quỹ Đầu tư Thành viên IPA (IPAMF)	0,50%

Phí quản lý Quỹ được tính vào mỗi kỳ định giá và thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Tỷ lệ phí có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà Đầu tư phê duyệt.

(ii) Theo các hợp đồng ủy thác đầu tư, Công ty được hưởng tỷ lệ phí quản lý không quá 2% trên giá trị tài sản ròng hoặc giá trị giao dịch thành công. Ngoài ra, Công ty được hưởng phí thưởng khi Danh mục vượt ngưỡng lợi nhuận kỳ vọng quy định cụ thể trong hợp đồng quản lý Danh mục đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phải thu từ cổ tức	20.000.000	20.000.000
Phải thu từ trái tức	3.260.774.929	2.944.064.004
Phải thu người lao động	8.260.768	-
Các khoản phải thu khác	238.557.638	192.849.593
Tổng cộng	3.527.593.335	3.156.913.597

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Chi phí thuê bao dữ liệu	26.244.000	-
Chi phí mua bảo hiểm sức khỏe	3.213.890	12.855.548
Chi phí thuê kênh truyền	9.592.000	23.980.000
Tổng cộng	39.049.890	36.835.548

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tỷ lệ đầu tư	Ngày 30 tháng 06 năm 2026		Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
		Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác		150.480	1.506.800.000	150.480	1.506.800.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư IPAF	0,10%	150.480	1.506.800.000	150.480	1.506.800.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (i)		-	-	-	-
Tổng cộng		150.480	1.506.800.000	150.480	1.506.800.000

(i) Biến động các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Số đầu kỳ	-	2.304.152.969
Hoàn nhập trong kỳ	-	(2.304.152.969)
Số cuối kỳ	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	10.000.000
Tổng cộng	-	10.000.000

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Công ty CP Giải pháp công nghệ IPA	361.100.000	361.100.000
Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT	96.111.747	62.728.055
Đối tượng khác	33.405.221	106.671.210
Tổng cộng	490.616.968	530.499.265

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số dư đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.218.271.812	946.107.444	(10.218.271.812)	946.107.444
Thuế thu nhập cá nhân	234.895.742	728.138.169	(399.685.502)	563.348.409
Các loại thuế khác	-	85.365.706	(85.365.706)	-
Tổng cộng	10.453.167.554	1.759.611.319	(10.703.323.020)	1.509.455.853

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Chi phí kiểm toán	-	113.400.000
Chi phí phải trả khác	94.053.617	-
Tổng cộng	94.053.617	113.400.000

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Kinh phí Công đoàn	218.057.445	215.672.445
Phải trả lợi nhuận phân phối cho chủ sở hữu	-	25.000.000.000
Phải trả, phải nộp khác	15.535.142	14.210.868
Tổng cộng	233.592.587	25.229.883.313

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER

B09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Đơn vị tính: VND		
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
			Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	100.000.000.000	1.916.896.584	132.209.533.842
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	40.866.413.721
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	(25.000.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	100.000.000.000	1.916.896.584	148.075.947.563
Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026	100.000.000.000	1.916.896.584	148.075.947.563
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	3.969.030.699
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	100.000.000.000	1.916.896.584	152.044.978.262

(*) Theo Quyết định số 207/2025/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. CHỨNG KHOÁN LƯU KÝ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026		Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá
Chứng khoán giao dịch	5.023.246	128.159.144.400	5.006.031	128.436.994.400
Chứng khoán chờ thanh toán	-	-	-	-
Tổng cộng	5.023.246	128.159.144.400	5.006.031	128.436.994.400

18. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Số dư đầu kỳ	12.105.664.612	849.565
Số tăng trong kỳ	332.324.321.086	212.079.631.700
Số giảm trong kỳ	(344.086.109.376)	(199.974.816.653)
Số dư cuối kỳ	343.876.322	12.105.664.612

Trong đó:

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Công ty Cổ phần Âm thực Mặt trời vàng		
Số dư đầu kỳ	1.352.827	849.565
Số tăng trong kỳ	13.000.001.306	33.090.936.221
Số giảm trong kỳ	(13.000.000.000)	(33.090.432.959)
Số dư cuối kỳ	1.354.133	1.352.827

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Nhà đầu tư cá nhân 1		
Số dư đầu kỳ	12.104.311.785	-
Số tăng trong kỳ	221.736.051.623	178.988.695.479
Số giảm trong kỳ	(233.518.436.377)	(166.884.383.694)
Số dư cuối kỳ	321.927.031	12.104.311.785

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Nhà đầu tư cá nhân 2		
Số dư đầu kỳ	-	-
Số tăng trong kỳ	97.588.268.157	-
Số giảm trong kỳ	(97.567.672.999)	-
Số dư cuối kỳ	20.595.158	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	5.610.788.615.873	5.017.517.192.097
- Tiền gửi có kỳ hạn	3.896.682.985.228	2.881.682.985.228
- Cổ phiếu niêm yết	693.242.983.000	847.887.989.000
Trong đó, các mã cổ phiếu bị giảm giá:	45.659.487.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam		
(mã cổ phiếu: PVS)	8.343.900.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội		
(mã cổ phiếu: MBB)	7.716.240.000	-
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh		
(mã cổ phiếu: REE)	7.413.738.000	-
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam		
(mã cổ phiếu: VNM)	6.948.640.000	-
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận		
(mã cổ phiếu: PNJ)	6.306.300.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam		
(mã cổ phiếu: EIB)	4.901.400.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát		
(mã cổ phiếu: HPG)	4.029.269.000	-
- Cổ phiếu chưa niêm yết	300.000.000.000	300.000.000.000
Trong đó, các mã cổ phiếu bị giảm giá:	-	-
- Trái phiếu niêm yết	-	243.766.126.250
Trong đó, các mã trái phiếu bị giảm giá:	-	-
- Trái phiếu chưa niêm yết	720.862.647.645	744.180.091.619
Trong đó, các mã trái phiếu bị giảm giá:	-	-
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	-	-
Tổng cộng	5.610.788.615.873	5.017.517.192.097

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phải thu từ giao dịch bán chứng khoán	-	2.297.300.000
Cổ tức được chia	16.386.780.000	-
Dự thu lãi tiền gửi, lãi trái phiếu	178.284.630.712	-
Tổng cộng	194.671.410.712	2.297.300.000

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phải trả phí quản lý danh mục đầu tư và phí thưởng	599.242.597	21.897.669.448
Phải trả phí lưu ký tại ngân hàng	15.432.750	22.681.859
Phải trả khác	19.962.000	5.658.140
Tổng cộng	634.637.347	21.926.009.447

22. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025
Doanh thu từ phí giao dịch và quản lý quỹ	5.598.710.500	4.855.212.936
Doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư	3.743.297.880	8.160.754.510
Tổng cộng	9.342.008.380	13.015.967.446

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025
Chi phí nhân viên	4.275.064.664	2.259.951.572
Chi phí hoạt động kinh doanh khác	2.144.009.211	1.130.735.018
Tổng cộng	6.419.073.875	3.390.686.590

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025
Lãi kinh doanh chứng khoán	19.972.200	4.322.556.634
Cổ tức được nhận	184.600.922	85.000.000
Lãi trái phiếu	4.344.766.959	1.937.364.018
Lãi tiền gửi ngân hàng	131.106.439	271.493.364
Tổng cộng	4.680.446.520	6.616.414.016

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025
Lỗ kinh doanh chứng khoán	-	372.072
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	732.340.250	375.440.828
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	(2.304.152.969)
Phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký	1.506.403	38.220.240
Chi phí tài chính khác	-	14.205.160
Tổng cộng	733.846.653	(1.875.914.669)

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025
Chi phí nhân viên	873.958.299	299.519.240
Chi phí thuê văn phòng	570.000.000	570.000.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	30.297.389	5.914.632
Thuế, phí và lệ phí	93.588.009	5.443.000
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ, phần mềm	-	6.225.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	386.552.532	286.828.962
Tổng cộng	1.954.396.229	1.173.930.834

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Nghị định 320/2025/NĐ-CP có hiệu lực ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.915.138.143	16.683.678.707
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán	(184.600.922)	(1.520.031.381)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	869.121.588
- Dự thu lãi trái phiếu, tiền gửi	-	609.121.588
- Chi phí không được khấu trừ thuế	-	260.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(184.600.922)	(2.389.152.969)
- Doanh thu không chịu thuế - Cổ tức	(184.600.922)	(85.000.000)
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư	-	(2.304.152.969)
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	4.730.537.221	15.163.647.326
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	946.107.444	3.032.729.465
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	10.218.271.812	8.859.547.025
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(10.218.271.812)	(8.859.547.025)
Thuế TNDN còn phải nộp cuối kỳ	946.107.444	3.032.729.465

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro phát sinh từ hoạt động kinh doanh là một phần quan trọng trong công tác quản trị của Công ty. Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất các chính sách quản lý những rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh như tổng hợp dưới đây.

28.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng:

- ▶ độ nhạy của bảng cân đối kế toán liên quan đến các công cụ nợ;
- ▶ độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu khác, các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản nợ phải trả tài chính. Những khoản đầu tư này phần lớn là ngắn hạn và không được nắm giữ với mục đích đầu cơ.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Phân tích về mức độ nhạy cảm với lãi suất không được thực hiện cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 do mức độ rủi ro lãi suất của Công ty rất nhỏ.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán. Tại ngày lập báo cáo này, giá trị hợp lý của chứng khoán vốn niêm yết mà Công ty đang nắm giữ là 18.296.739.750 đồng. Sự tăng (hoặc giảm) 20% của chỉ số chứng khoán niêm yết có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

28.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Tại ngày báo cáo, các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và bộ phận Phân tích và Đầu tư chứng khoán theo chính sách của Công ty.

Đơn vị tính: VND

	<i>Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá</i>	<i>Đã quá hạn và chưa bị giảm giá</i>	<i>Đã quá hạn và đã trích lập dự phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.744.596.735	-	-	2.744.596.735
Các khoản đầu tư ngắn hạn	126.638.961.544	-	19.878.310.000	146.517.271.544
Các khoản phải thu ngắn hạn	5.132.620.131	-	20.000.000	5.152.620.131
Chi phí trả trước ngắn hạn	39.049.890	-	-	39.049.890
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.506.800.000	-	-	1.506.800.000
Chi phí trả trước dài hạn	3.929.237	-	-	3.929.237
Phải thu dài hạn khác	10.000.000	-	-	10.000.000
Tổng cộng	136.075.957.537	-	19.898.310.000	155.974.267.537

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER

B09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

28.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời gian đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Trên 1 năm	Đơn vị tính: VND
Tài sản						Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	2.744.596.735	-	-	-	2.744.596.735
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	146.517.271.544	-	146.517.271.544
Phải thu nghiệp vụ khác	-	-	1.625.026.796	-	-	1.625.026.796
Các khoản phải thu khác	20.000.000	8.260.768	3.186.809.692	312.522.875	-	3.527.593.335
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	39.049.890	-	39.049.890
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	1.506.800.000	1.506.800.000
Tài sản dài hạn khác	-	3.929.237	-	10.000.000	-	13.929.237
Tổng tài sản	20.000.000	2.756.786.740	4.811.836.488	146.878.844.309	1.506.800.000	155.974.267.537
Nợ phải trả						
Phải trả người bán	-	490.616.968	-	-	-	490.616.968
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	1.509.455.853	-	-	-	1.509.455.853
Chi phí phải trả	-	-	94.053.617	-	-	94.053.617
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	233.592.587	-	-	-	233.592.587
Tổng nợ phải trả	-	2.233.665.408	94.053.617	-	-	2.327.719.025
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	20.000.000	523.121.332	4.717.782.871	146.878.844.309	1.506.800.000	153.646.548.512

28.4 Tài sản đảm bảo

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản vay và nợ ngắn hạn và không sử dụng bất kỳ tài sản nào của Công ty nhằm đảm bảo cho bất kỳ khoản vay và nợ ngắn hạn của một bên khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER

B09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 06 năm 2026	Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan	Tiền gửi giao dịch chứng khoán Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư Phải trả phí đại lý phân phối và phí giao dịch chứng chỉ quỹ	245.162.234 522.136.958	27.885.922 682.794.483
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	Công ty mẹ	Danh mục đầu tư ủy thác Vốn góp	96.111.747 627.086.486.000 100.000.000.000	62.728.055 820.036.174.000 100.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư Danh mục đầu tư ủy thác	- 4.588.485.852.041	21.161.950.627 3.869.629.203.097
Quỹ Đầu tư Chủ động VND	Quỹ được quản lý	Phải thu phí quản lý Quỹ Thù lao ban đại diện quỹ IPA PARTNER trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư Phí phát hành/mua lại chứng chỉ quỹ Phải thu phí quản lý Quỹ Thù lao ban đại diện quỹ IPA PARTNER trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư Phí phát hành/mua lại chứng chỉ quỹ Phải thu phí quản lý Quỹ Thù lao ban đại diện quỹ IPA PARTNER trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư Số lượng Chứng chỉ quỹ nắm giữ Phải thu phí quản lý Quỹ Thù lao ban đại diện quỹ IPA PARTNER trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư	371.607.977 47.562.438 82.632.717 311.493.808 75.613.233 8.750.122 84.800.976 28.381.967 3.861.079,44 105.397.948	329.655.884 39.559.181 74.601.268 361.461.866 65.793.670 19.101.583 87.921.855 33.496.742 3.861.079,44 34.379.174
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND	Quỹ được quản lý	Thù lao ban đại diện quỹ IPA PARTNER trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư	60.000.000 61.100.651	27.000.000 18.820.156
Quỹ ETF IPA PARTNER VN100	Quỹ được quản lý	Thù lao ban đại diện quỹ IPA PARTNER trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư	27.000.000	27.000.000
Quỹ Đầu tư Thành viên IPA	Quỹ được quản lý	Thù lao ban đại diện quỹ IPA PARTNER trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư		

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER

B09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 06 năm 2026	Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Công ty Cổ phần giải pháp công nghệ IPA	Có cùng công ty mẹ kiểm soát	Phí cấp quyền sử dụng phần mềm	361.100.000	361.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư IPAF	Có cùng công ty mẹ kiểm soát	Đầu tư góp vốn	1.506.800.000	1.506.800.000
Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính bao gồm:				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026	Đơn vị tính: VND Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan	Phí quản lý danh mục đầu tư Lãi tài khoản giao dịch chứng khoán Phí giao dịch và phí lưu ký Phí đại lý bổ sung, phí giao dịch quỹ mở Giao dịch mua chứng khoán	3.542.371.043 616.765 1.506.403 508.182.011 -	2.318.598.572 10.693.377 38.220.240 453.311.852 36.005.160.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	Công ty mẹ	Thuế văn phòng	570.000.000	570.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan	Phí quản lý danh mục đầu tư	-	-
Quỹ Đầu tư Chủ động VND	Quỹ được quản lý	Phí quản lý Quỹ Phí giao dịch chứng chỉ quỹ Thù lao ban đại diện quỹ IPA PARTNER trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư	2.225.063.427 430.966.328 181.742.604	5.738.049.373 1.830.089.197 302.301.504 170.911.403

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER

B09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026	Đơn vị tính: VND
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND	Quỹ được quản lý	Phí quản lý Quỹ	2.001.122.744	1.860.311.498
		Phí giao dịch chứng chỉ quỹ	104.535.274	117.071.897
		Thù lao ban đại diện quỹ IPA PARTNER trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư		
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND	Quỹ được quản lý	Phí quản lý Quỹ	232.347.506	200.463.014
		Thù lao ban đại diện quỹ IPA PARTNER trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư	507.297.974	487.793.536
Quỹ ETF IPA PARTNER VN100	Quỹ được quản lý	Phí quản lý Quỹ	148.551.209	154.219.400
		Thù lao ban đại diện quỹ IPA PARTNER trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư	206.643.203	151.255.762
Quỹ Đầu tư Thành viên IPA	Quỹ được quản lý	Phí quản lý Quỹ	160.700.000	96.888.544
		Thù lao ban đại diện quỹ IPA PARTNER trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư	123.081.550	106.389.542
Công ty Cổ phần giải pháp công nghệ IPA	Có cùng công ty mẹ kiểm soát	Phí cấp quyền sử dụng phần mềm	54.000.000	18.600.000
			361.100.000	361.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư IPA F	Có cùng công ty mẹ kiểm soát	Đầu tư góp vốn	-	102.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của Ban Điều hành:

Đơn vị tính: VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>
Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác	-	-
Tổng cộng	-	-

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 06 năm 2026, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2026</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>
Đến 1 năm	1.140.000.000	1.140.000.000
Từ 1 đến 5 năm	1.710.000.000	-
Tổng cộng	2.850.000.000	1.140.000.000

Các khoản tiền thuê cam kết ước tính tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng còn hiệu lực vào ngày 30 tháng 06 năm 2026.

31. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ VÀ QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ

Giá trị

Hoạt động quản lý quỹ	
Tổng số quỹ hoạt động quản lý	5
Tổng số vốn của các quỹ đang thực hiện quản lý	559.363.590.900
Số lượng quỹ lập trong kỳ	-
Số lượng quỹ đóng trong kỳ	-
Phí quản lý quỹ trong kỳ (1)	5.063.208.898
Phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ (2)	535.501.602
Hoạt động quản lý danh mục đầu tư	
Tổng số hợp đồng còn hiệu lực đầu kỳ	4
Số hợp đồng ký trong kỳ	1
Số hợp đồng thanh lý trong kỳ	-
Tổng số hợp đồng đã ký còn hiệu lực thực hiện	5
Phí quản lý danh mục đầu tư và phí thưởng (3)	3.743.297.880
Tổng phí quản lý thu được từ hoạt động quản lý (1)+(2)+(3)	9.342.008.380

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ngày 30 tháng 06 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	0,99%	0,82%
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	99,01%	99,18%
Khả năng thanh toán			
Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản (Nợ phải trả/ Tổng tài sản)	%	1,51%	19,70%
Khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản lưu động/ Nợ ngắn hạn)	Lần	65,67	5,12
Khả năng thanh toán nhanh (Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	65,67	5,12
Khả năng thanh toán bằng tiền (Tiền và các khoản tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn)	Lần	1,18	0,27
	Đơn vị tính	Cho kỳ sáu tháng năm 2026	Cho kỳ sáu tháng năm 2025
Tỷ suất lợi nhuận			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	42,49%	102,27%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản)	%	2,57%	8,89%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu)	%	2,61%	9,15%

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt

Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch
kiêm Tổng Giám đốc

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2026 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn